**BÀI TẬP CHIA DANH TỪ TỪ SỐ ÍT, SỐ NHIỀU**

**Lưu ý khi chia danh từ từ số ít sang số nhiều:**

* Danh từ kết thúc bằng -s, -x, -ch, -sh, -o thường thêm -es (ví dụ: box → boxes, church → churches).
* Danh từ kết thúc bằng -f, -fe thường thay thành -ves (ví dụ: wife → wives, leaf → leaves).
* Danh từ không thay đổi khi số nhiều (ví dụ: sheep, deer…).
* Danh từ bất quy tắc như child → children, man → men, woman → women...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **BÀI TẬP VỀ CHIA DANH TỪ SỐ NHIỀU** | **Đáp án** |
| 1 | There are many \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (book) on the shelf. | books |
| 2 | There is a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (dog) in the yard. | dog |
| 3 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (child) are playing in the park. | children |
| 4 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (child) is playing with toys. | child |
| 5 | I have two \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (friend) in my class. | friends |
| 6 | I saw a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (man) in the park. | man |
| 7 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (cat) are sleeping in the sun. | cats |
| 8 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (cat) is sitting on the chair. | cat |
| 9 | We bought several \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (box) of chocolates. | boxes |
| 10 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (woman) in the meeting are very professional. | women |
| 11 | There is a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (box) on the floor. | box |
| 12 | He has three \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (child). | children |
| 13 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (foot) are sore after the long walk. | feet |
| 14 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (woman) is reading a newspaper. | woman |
| 15 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (leaf) are falling from the trees in autumn. | leaves |
| 16 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (person) in the room are waiting for the presentation. | people |
| 17 | There are many \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (dog) in the park. | dogs |
| 18 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (child) are playing together. | children |
| 19 | I have five \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (man) working for me. | men |
| 20 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (cat) are sleeping in the sun. | cats |
| 21 | There are many \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (book) on the shelf. | books |
| 22 | I need to buy a few \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (box) for packing. | boxes |
| 23 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (pen) are in the drawer. | pens |
| 24 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (woman) at the meeting were very kind. | women |
| 25 | We saw many \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (car) on the road. | cars |
| 26 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (apple) on the tree are ripe. | apples |
| 27 | There are many \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (child) in the playground. | children |
| 28 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (foot) are covered with mud after the rain. | feet |
| 29 | I found several \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (leaf) on the ground. | leaves |
| 30 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (man) in the group are my colleagues. | men |
| 31 | The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (person) in the room are all from different countries. | people |
| 32 | There are some \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (apple) on the table. | apples |
| 33 | I saw several \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (dog) in the park. | dogs (Several đi với danh từ đếm được số nhiều.) |
| 34 | We bought many\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (flower) for the garden. | flowers |
| 35 | There are a few \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (car) parked outside. | cars (Few/ a few) đi với danh từ đếm được số nhiều. |
| 36 | We need many\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (ticket) for the concert. |  tickets |
| 37 | I’ve got some\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (message) for you. | messages(Some đi với danh từ đếm được số nhiều) và không đếm được |
| 38 | There are several/some\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (party) happening this weekend. |  parties |
| 39 | A few \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(book) are on the table | books |